

Số: 98/QĐ-VKS-VP

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT Gói thầu số 01 : Tư vấn quản lý dự án - Dự án thành phần 1: Cải tạo, mở rộng VKSND tỉnh Lâm Đồng (Lần 2)

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 24/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 24/6/2025

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-VKS-VP ngày 29/01/2026 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Đợt 3 – Giai đoạn chuẩn bị dự án Dự án thành phần 1: Cải tạo, mở rộng VKSND tỉnh Lâm Đồng thuộc Dự án: Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 1;

Căn cứ tờ trình của Công Ty TNHH Xây dựng Lộc Tiến An số 08.03/TTr-2026 ngày 08/03/2026 về việc trình duyệt E-Hồ sơ mời thầu gói thầu số 01: Tư vấn quản lý dự án - Dự án thành phần 1: Cải tạo, mở rộng VKSND tỉnh Lâm Đồng thuộc Dự án: Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 1;

Căn cứ Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu của Công ty TNHH Tư vấn thiết kế và Xây dựng Triều An số:05/BCTĐ-HSMT ngày 11/3/2026 về việc Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu số 01: Tư vấn quản lý dự án - Dự án thành phần 1: Cải tạo, mở rộng VKSND tỉnh Lâm Đồng thuộc Dự án: Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 1;

Căn cứ văn bản số 502-1/CV-TVE của Công ty TNHH kỹ thuật TVE về việc kiến nghị nội dung E-HSMT Gói thầu số 01: Tư vấn quản lý dự án – Dự án thành phần 1: Cải tạo, mở rộng VKSND tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Tờ trình Tổ giúp việc số:93 /TTR-TGV ngày 11/5/2026 về việc trình phê duyệt điều chỉnh nội dung tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật E-Hồ sơ mời thầu gói thầu số 01: Tư vấn quản lý dự án - Dự án thành phần 1: Cải tạo, mở rộng VKSND tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Báo cáo thẩm định điều chỉnh hồ sơ mời thầu của Tổ thẩm định số: 94/BCTĐ-TTĐ ngày 11/5/2026 về việc Báo cáo thẩm định điều chỉnh nội dung tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật E-Hồ sơ mời thầu gói thầu số 01: Tư vấn quản lý dự án - Dự án thành phần 1: Cải tạo, mở rộng VKSND tỉnh Lâm Đồng;

Xét đề nghị của Tổ giúp việc cho Chủ đầu tư tại tờ trình số:93/TTr-TGV ngày 11/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Mục 2 – chương III “Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật” E-HSMT Gói thầu số 01: Tư vấn quản lý dự án - Dự án thành phần 1: Cải tạo, mở rộng VKSND tỉnh Lâm Đồng (Lần 2), với nội dung sau:

- Nội dung điều chỉnh: (Đính kèm phụ lục).

- Lý do: Điều chỉnh tiêu chí nhân sự của “Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật” cho phù hợp với quy mô, loại dự án của gói thầu theo các quy định pháp lý hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tổ chuyên gia Công Ty TNHH Xây dựng Lộc Tiến An và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *Uep*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VKSNDTC (B/c);
- KBNNKVXVI;
- Lưu: VP-TH-XD.

VIỆN TRƯỞNG *Uep*



Nguyễn Thành Minh

Phụ lục
Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

(Đính kèm theo Quyết định số: 98/QĐ-VKS-VP ngày 12 tháng 5 năm 2026)

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	10		6
1.1	Đã thực hiện hoàn thành gói thầu có tính chất tương tự trong 05 năm gần đây tính đến thời điểm đóng thầu: Tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình, dự án từ nhóm B trở lên. * Tài liệu chứng minh: Hợp đồng và biên bản nghiệm thu tư vấn hoặc biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng hoặc văn bản có ký xác nhận của Chủ đầu tư hoặc Bên giao thầu về việc nhà thầu Tư vấn đã hoàn thành hợp đồng, tài liệu chứng minh quy mô bản chất của hợp đồng tương tự. * Đối với nhà thầu liên danh: Từng thành viên trong liên danh đáp ứng yêu cầu về tính chất tương tự ứng với phạm vi công việc mà nhà thầu đảm nhận.	10	- Đáp ứng từ 3 hợp đồng trở lên: 10 điểm; - Đáp ứng 2 hợp đồng: 6 điểm; - Đáp ứng 1 hợp đồng: 2 điểm; - Không có hợp đồng nào đáp ứng: 0 điểm.	

Uel.

2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	5		5
(5% tổng số điểm)				
2.1	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Nhà thầu có bản cam kết kèm theo (có ký tên, đóng dấu xác nhận của người đại diện pháp luật của nhà thầu). * Trường hợp có tài liệu chứng minh việc nhà thầu cam kết về uy tín không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì hành vi của nhà thầu được coi là “gian lận” và E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét đánh giá. * Đối với nhà thầu liên danh: Từng thành viên trong liên danh đáp ứng yêu cầu nêu trên.	5	- Nhà thầu đáp ứng về uy tín và có cam kết kèm theo: 5 điểm; - Nhà thầu không đáp ứng uy tín hoặc không có cam kết kèm theo: 0 điểm.	
3	Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)	35		24

ulu.

3.2.2	Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ	3	<ul style="list-style-type: none"> - Có phương pháp luận đầy đủ, phù hợp với nhiệm vụ: 3 điểm. - Có phương pháp luận tương đối đầy đủ, tương đối phù hợp với nhiệm vụ: 1,8 điểm. - Không có đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp: 0 điểm. 	
3.2.3	Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là những công việc mang tính đặc thù của dự án)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ, rõ ràng: 2 điểm. - Trình bày tương đối đầy đủ, chưa thực sự rõ ràng: 1,2 điểm. - Không trình bày hoặc có trình bày nhưng không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. 	
3.3	Sáng kiến cải tiến: Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án	2	<ul style="list-style-type: none"> - Có nêu sáng kiến, đề xuất kỹ thuật nâng cao chất lượng hợp lý, khả thi: 2 điểm. - Có nêu sáng kiến và đề xuất, tuy nhiên tính khả thi chưa rõ ràng: 1,2 điểm. - Không có đề xuất sáng kiến: 0 điểm. 	

UUC.

3.4	Cách trình bày	3	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi, hoàn chỉnh và thuyết phục: 3 điểm. - Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách tương đối hợp lý; mức độ theo dõi, hoàn chỉnh và thuyết phục ở mức chấp nhận được: 1,8 điểm. - Đề xuất được kết cấu và trình bày không hợp lý; khó theo dõi, không hoàn chỉnh và không thuyết phục: 0 điểm. 	
3.5	Kế hoạch triển khai	7		
3.5.1	Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện dự án. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng	3	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày kế hoạch công tác chi tiết, rõ ràng, cụ thể và hợp lý: 3 điểm. - Trình bày kế hoạch công tác chưa chi tiết, chưa rõ ràng, chưa cụ thể và chưa thực sự hợp lý: 1,8 điểm. - Không trình bày kế hoạch công tác hoặc kế hoạch không hợp lý, không khả thi: 0 điểm. 	

thư

3.5.2	Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến	2	- Kế hoạch triển khai hoàn toàn phù hợp: 2 điểm. - Kế hoạch triển khai tương đối phù hợp: 1,2 điểm. - Không có kế hoạch hoặc kế hoạch không phù hợp: 0 điểm.	
3.5.3	Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo	2	- Có bảng biểu đầy đủ, hợp lý: 2 điểm. - Có bảng biểu đầy đủ, tương đối hợp lý: 1,2 điểm. - Không có bảng biểu đầy đủ hoặc bảng biểu không hợp lý, không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	
3.6	Bố trí nhân sự	3	- Nhân sự được bố trí đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu; Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai: 3 điểm. - Nhân sự được bố trí đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu; Thời điểm và thời gian huy động tư vấn tương đối phù hợp với kế hoạch triển khai: 1,8 điểm. - Nhân sự không đáp ứng một trong các vị trí theo yêu	

UCL

				câu của hồ sơ mời thầu/Hoặc Nhân sự được bố trí đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng thời điểm và thời gian huy động tư vấn không phù hợp với kế hoạch triển khai: 0 điểm.	
4	Nhân sự chủ chốt (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)		50		35
	Vị trí	Số lượng			
4.1	Giám đốc quản lý dự án	1	18		12,6
4.1.1	Có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực: Quản lý dự án đầu tư xây dựng từ hạng II trở lên còn hiệu lực (Theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐCP ngày 30/12/2024 của Chính phủ). Nhân sự đề xuất không đáp ứng yêu cầu nêu trên thì không được đánh giá các tiêu chí tiếp theo		7	- Có chứng chỉ hành nghề QLDA đáp ứng yêu cầu: 7 điểm. - Không có chứng chỉ hành nghề QLDA đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	
4.1.2	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan (tính từ mốc thời gian kê khai công việc liên quan tại Mẫu số 07 đến thời điểm đóng thầu).		6	- Số năm kinh nghiệm ≥ 5 năm: 6 điểm. - Số năm kinh nghiệm từ 3 năm đến < 5 năm: 2,8 điểm. - Số năm kinh nghiệm < 3 năm: 0 điểm.	

Handwritten signature

4.1.3	- Có kinh nghiệm thực hiện hoàn thành vị trí Giám đốc quản lý dự án xây dựng công trình dân dụng cấp II trở lên. (Kèm theo Tài liệu chứng minh).		5	- Kinh nghiệm ≥ 2 dự án: 5 điểm. - Kinh nghiệm 1 dự án: 2,8 điểm. - Kinh nghiệm 0 dự án: 0 điểm	
4.2	Cán bộ quản lý dự án	1	8		5,6
4.2.1	Có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực: Quản lý dự án đầu tư xây dựng từ hạng II trở lên còn hiệu lực (Theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐCP ngày 30/12/2024 của Chính phủ). Nhân sự đề xuất không đáp ứng yêu cầu nêu trên thì không được đánh giá các tiêu chí tiếp theo		4	- Có chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 4 điểm; - Không có chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	
4.2.2	- Có kinh nghiệm thực hiện hoàn thành Quản lý dự án xây dựng công trình dân dụng cấp II trở lên. (Kèm theo Tài liệu chứng minh).		4	- Kinh nghiệm ≥ 2 dự án: 4 điểm. - Kinh nghiệm 1 dự án: 1,6 điểm. - Kinh nghiệm 0 dự án: 0 điểm.	
4.3	Cán bộ quản lý chất lượng công trình	1	8		5,6

Uey

4.3.1	Có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực: Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình/Hoặc giám sát công tác xây dựng công trình từ cấp II trở lên còn hiệu lực (Theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐCP ngày 30/12/2024 của Chính phủ). Nhân sự đề xuất không đáp ứng yêu cầu nêu trên thì không được đánh giá các tiêu chí tiếp theo	4	- Có chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 4 điểm; - Không có chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	
4.3.2	- Có kinh nghiệm thực hiện hoàn thành: Quản lý dự án xây dựng công trình dân dụng cấp II trở lên. (Kèm theo Tài liệu chứng minh).	4	- Kinh nghiệm ≥ 2 dự án: 4 điểm. - Kinh nghiệm 1 dự án: 1,6 điểm. - Kinh nghiệm 0 dự án: 0 điểm.	
4.4	Cán bộ quản lý chi phí đầu tư xây dựng	1	8	5,6
4.4.1	Có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực: Định giá xây dựng từ cấp II trở lên còn hiệu lực (Theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐCP ngày 30/12/2024 của Chính phủ). Nhân sự đề xuất không đáp ứng yêu cầu nêu trên thì không được đánh giá các tiêu chí tiếp theo	4	- Có chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 4 điểm; - Không có chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	

thư

4.4.2	- Có kinh nghiệm thực hiện hoàn thành quản lý dự án xây dựng công trình dân dụng cấp II trở lên. (Kèm theo Tài liệu chứng minh).		4	- Kinh nghiệm ≥ 2 dự án: 4 điểm. - Kinh nghiệm 1 dự án: 1,6 điểm. - Kinh nghiệm 0 dự án: 0 điểm.	
4.5	Cán bộ quản lý hợp đồng xây dựng	1	8		5,6
4.5.1	Có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lĩnh vực: Quản lý dự án đầu tư xây dựng từ cấp II trở lên còn hiệu lực (Theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐCP ngày 30/12/2024 của Chính phủ). Nhân sự đề xuất không đáp ứng yêu cầu nêu trên thì không được đánh giá các tiêu chí tiếp theo		4	- Có chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 4 điểm; - Không có chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	
4.5.2	- Có kinh nghiệm thực hiện hoàn thành quản lý dự án xây dựng công trình dân dụng cấp II trở lên. (Kèm theo Tài liệu chứng minh).		4	- Kinh nghiệm ≥ 2 dự án: 4 điểm. - Kinh nghiệm 1 dự án: 1,6 điểm. - Kinh nghiệm 0 dự án: 0 điểm.	
5	Yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)				
5.1	Không yêu cầu			Không yêu cầu	
	Tổng cộng (100%)		100		70

thee